

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-ST

Ngày: 24/02/2022

V/v tranh chấp hợp đồng hội (họ)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm Xuyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Đức**;

2. Bà **Lê Thị Thường**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Công Minh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Dáng Hương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **159/2021/TLST-DS, ngày 23/11/2021 về việc "Tranh chấp Hợp đồng hội (họ)"** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-DS ngày 13/01/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 14A/2022/QĐST-DS ngày 07/02/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị Kim H**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0971.717.110

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Duy P**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Thắng, xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đinh Thị Kim H trình bày: Ông Nguyễn Duy P có tham gia chơi 02 dây hội do tôi làm chủ hội, hình thức hội huê hồng, cụ thể như sau:

- Dây hội thứ nhất: Hội tháng 5.000.000 đồng, khai ngày 18/7/2020 âm lịch (sau đây viết tắt là AL), mỗi tháng khai một lần, có 15 phần hội, đã mãn vào ngày 18/9/2021 AL ông P tham gia một phần, có danh sách hội viên. Vào lần khai hội thứ 3 (ngày 18/9/2020 AL), ông P bỏ tiền hội 1.200.000 đồng và hốt hội số tiền 3.800.000 đồng, hốt hội tổng cộng là 55.600.000 đồng sau khi trừ tiền thảo là 2.500.000 đồng, số tiền ông P hốt thực tế là 53.100.000 đồng. Tuy nhiên do trước đây ông P có ứng trước 02 lần tổng số tiền là 50.000.000 đồng (ngày 18/9/2020 AL ông P ứng trước 10.000.000 đồng và ngày 19/9/2020 ứng tiếp 40.000.000 đồng). Nên số tiền ông P nhận từ tôi qua khấn trừ phần tạm ứng là 3.100.000 đồng. Sau đó tôi có làm biên nhận vào ngày 23/9/2020 AL làm thành 02 bản giao cho ông P 01 bản, tôi giữ một bản. Hai bên giao tiền cùng ngày 23/9/2020 AL. Sau khi hốt hội ngày 18/9/2020, ông P đóng được 03 lần hội chết còn 9 lần hội chết chưa đóng là $9 \times 5.000.000 \text{ đồng} = 45.000.000 \text{ đồng}$.

- Dây hội thứ hai: Hội tháng 5.000.000 đồng, khai ngày 10/9/2020 AL, mỗi tháng khai một lần, có 15 hội viên, mãn vào ngày 10/11/2021 AL ông P tham gia một phần, có danh sách hội viên. Vào lần khai hội thứ 4 (ngày 10/12/2020 AL), ông P bỏ tiền hội 1.300.000 đồng và hốt hội số tiền 3.700.000 đồng, hốt hội tổng cộng là 55.700.000 đồng sau khi trừ tiền thảo là 2.500.000 đồng, số tiền ông P hốt thực tế là 53.200.000 đồng. Tuy nhiên do trước đây ông P có mượn riêng của tôi là 12.500.000 đồng (không nhớ rõ thời gian). Nên số tiền ông P nhận từ tôi qua khấn trừ phần nợ này là 40.700.000 đồng. Sau đó tôi có làm biên nhận vào ngày 15/12/2020 AL làm thành 02 bản giao cho ông P 01 bản, tôi giữ một bản. Hai bên giao tiền cùng ngày 15/12/2020 AL. Sau khi hốt hội ngày 10/12/2020 AL, ông P không đóng được lần nào tiền hội chết nữa nên còn nợ lại 11 lần hội chết chưa đóng là $11 \times 5.000.000 \text{ đồng} = 55.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng hai dây hội ông P còn nợ tôi số tiền hội là 100.000.000 đồng. Sau đó vào ngày 03/6/2021 AL, Phúc có chuyển khoản trả cho tôi được 4.000.000 đồng. Ngày 06/9/2021 AL Phúc bắt đầu góp trả cho tôi một ngày là 200.000 đồng đến ngày 26/9/2021 AL là 21 ngày $\times 200.000 \text{ đồng} = 4.200.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng Phúc đã trả được 02 lần là 8.200.000 đồng. Như vậy, ông P còn nợ lại tôi là 91.800.000 đồng. Sau đó ông P không trả được số tiền nào nữa dù tôi đã đòi nhiều lần.

Nay tôi yêu cầu ông P trả cho tôi số tiền nợ hội là 91.800.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày mãn hội của dây hội 5.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/9/2020 AL là ngày 10/11/2021 AL, nhằm ngày 13/12/2021 với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Duy P đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, nhưng ông P vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến của ông.

Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông P trả cho bà H số tiền nợ gốc là 91.800.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng hội (họ), bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Duy P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Kim H thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H đã cung cấp cho Tòa án sổ ghi danh sách hội viên và 02 Biên nhận giao tiền hội ngày 23/9/2020 AL và ngày 15/12/2020 AL có chữ ký và chữ viết họ và tên của ông Nguyễn Duy P. Bà H cam đoan những chữ ký và chữ viết họ và tên của ông Nguyễn Duy P trong các tài liệu do bà cung cấp là do chính ông Nguyễn Duy P ký và viết ra. Từ đó, có cơ sở xác định giữa bà H và ông P có xác lập hợp đồng hội (họ), loại hội có lãi và hội hưởng hoa hồng, bà H là chủ hội, ông P là hội viên; Hợp đồng hội (họ) này của bà H và ông P, là giữa những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự giao kết hợp đồng, xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm và không trái pháp luật; hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng này là hợp pháp theo quy định tại Điều 3 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ của mình

đã giao kết. Ông Nguyễn Duy P đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể làm việc trực tiếp với ông Nguyễn Duy P. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà H cung cấp để xác định có hay không có khoản nợ của ông P còn nợ bà H là phù hợp.

Qua xem xét các tài liệu chứng cứ xét thấy tại các danh sách hội ngày đều có tên ông P tham gia, đối với phần hội tháng bà H cung cấp cho Tòa án 02 Biên nhận giao tiền hội ngày 23/9/2020 AL và ngày 15/12/2020 AL thể hiện bà H đã giao 02 phần hội cho ông P và được ông P ký nhận, trong đó: dây hội mở ngày 18/7/2020 AL ông P hốt được 55.600.000 đồng; dây hội mở ngày 10/9/2020 AL ông P hốt được 55.700.000 đồng. Tổng cộng số tiền 02 dây hội ông P đã hốt là 111.300.000 đồng. Bà H thừa nhận, sau khi hốt hội ông P có đóng hội chết được vài lần rồi không đóng nữa, số tiền hội chết ông P còn nợ lại là 100.000.000 đồng. Từ ngày 03/6/2021 AL đến ngày 26/9/2021 AL ông P trả cho bà H được số tiền là 8.200.000 đồng nên ông P còn nợ lại bà H số tiền hội là 91.800.000 đồng. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay ông P không có ý kiến gì đối với yêu cầu và chứng cứ của bà H đưa ra nên việc ông P có nợ bà H số tiền 91.800.000 đồng là có thật và theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là việc không cần phải chứng minh.

Xét thấy, ông P là hội viên sau khi hốt hội đã không thực hiện đúng nghĩa vụ đóng hội chết cho các hội viên khác nên bà H với tư cách là chủ hội đã đóng hội chết cho các hội viên khác thay cho ông P đến khi 02 dây hội mãn. Do đó, việc bà H khởi kiện yêu cầu ông P trả số tiền 91.800.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 17, khoản 4 Điều 18, Điều 24, Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả đối với số nợ hội là 91.800.000 đồng từ ngày mãn hội của dây hội 5.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/9/2020 AL là ngày 10/11/2021 AL, nhằm ngày 13/12/2021 với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét thấy ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tuy bà H và ông P không có thỏa thuận về lãi suất phát sinh khi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhưng theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường thì lãi suất được xác định bằng 50%/năm mức lãi suất giới hạn tại thời điểm trả nợ là 20%/năm, tương đương với mức lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng); nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 10/11/2021 AL, nhằm ngày 13/12/2021 đến ngày xét xử (ngày 24/02/2022) là 02 tháng 13 ngày, xét thấy yêu cầu tính lãi của bà H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, số tiền lãi ông P phải đóng cho bà H là 1.861.500 đồng (91.800.000 đồng x 0,83%/tháng x 02 tháng 13 ngày). Tổng số tiền vốn và lãi ông P phải trả cho bà H là 93.661.500 đồng (trong đó vốn gốc là 91.800.000 đồng, lãi là 1.861.500 đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí là 5% giá ngạch giá trị tài sản tranh chấp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 357, Điều 466, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 17, khoản 4 Điều 18, Điều 22, Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Duy P có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đinh Thị Kim H tổng số tiền nợ gốc và lãi là 93.661.500 đồng (*chín mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi một ngàn, năm trăm đồng*), trong đó: nợ gốc là 91.800.000 đồng, lãi là 1.861.500 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Duy P phải nộp 4.683.075 đồng (*bốn triệu, sáu trăm tám mươi ba ngàn, không trăm bảy mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Đinh Thị Kim H không phải chịu án phí nên được nhận lại 2.295.000 đồng (*hai triệu, hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008729 ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Cẩm Xuyên